

Số/No: 77/2026/CV-T-CAP

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Hà Nội, day 28 month 03 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- To:** - *The State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Hochiminh City Stock Exchange.*

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap
Name of organization: T-Cap Securities Joint Stock Company
 - Mã chứng khoán/ Stock code: TVB
 - Địa chỉ/ Address: Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội/
2nd Floor, No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi.
 - Điện thoại liên hệ/ Tel.: 0242 242 5995 Fax: 04 38 398 974
 - E-mail: tvsc@tvsc.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.
 - Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2025.
 - Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2024.

Contents of disclosure:

 - The Audited Financial statements for the year ended 31 december 2025.
 - The Audited Financial safety ratio report as at 31 december 2025.
 - The Explanation of the net profit after corporate income tax in the Audited financial statements of 2025 changes by 10% or more compared to the same period last year 2024.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2026 tại đường dẫn: <https://tvsc.vn/bao-cao-tai-chinh/>



This information was published on the company's website on 22./03/2026, as in the link: <https://tvsc.vn/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm

Attached documents

- BCTC kiểm toán năm 2025
Audited Financial statements of 2025
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận
Explanation of profit differences



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Hằng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN T-CAP
T-CAP SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: **78**./2026/CV-T-CAP
(V/v Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
trên BCTC đã kiểm toán năm 2025
so với cùng kỳ năm trước)
(Re: Explanation of Changes in Net Profit
After Tax on Audited Financial Statements for
2025 Compared to the Same Period Last Year)

Hà Nội, ngày **28**. tháng 03 năm 2026
Ha Noi, day **28** month 03 year 2026

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- To:**
- The State Securities Commission
 - Vietnam Stock Exchange
 - Hochiminh City Stock Exchange

Tên tổ chức/ Name of organization : **Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap/
T-Cap Securities Joint Stock Company.**

Trụ sở chính/Address : Tầng 2, số 142 Đội Cấn, Ngọc Hà, Hà Nội/2nd Floor,
No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi.

Điện thoại/Tel : 024.62732059

Fax : 024.62732058

Thực hiện Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 biến động từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể như sau:

Comply with the circular no: 96/2020/TT-BTC issued on 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, T-Cap Securities Joint Stock Company would like to explain the net profit after corporate income tax in the Audited financial statements of 2025 changes by 10% or more compared to the same period last year 2024. Specifically as follows:

Chỉ tiêu/ Items	Năm 2025/ Year 2025	Năm 2024/ Year 2024	Chênh lệch/Difference	Biến động/ Movement (%)
	1	2	3=1-2	4=3/2
Doanh thu/Revenue	92.107.329.830	186.499.998.864	-94.392.669.034	-51%
Chi phí/ Expenses	72.136.015.009	72.105.442.707	30.572.302	0%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	19.971.314.821	114.394.556.157	-94.423.241.336	-83%
Chi phí Thuế TNDN/Corporate income tax expenses	-903.627.697	-11.752.620.895	10.848.993.198	-92%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	20.874.942.518	126.147.177.052	-105.272.234.534	-83%

Tại thời điểm kết thúc năm 2025, Doanh thu của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước 94,3 tỷ đồng, lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên BCTC kiểm toán năm 2025 giảm so với năm 2024 là 105,2 tỷ đồng là do;

At the end of 2025, the Company's revenue decreased by VND 94.3 billion compared with the same period of the previous year, and the profit after corporate income tax according to the audited financial statements for 2025 decreased by VND 105.2 billion compared with 2024 due to;

Doanh thu và lợi nhuận trên BCTC kiểm toán năm 2025 giảm so với năm 2024 do thị trường chứng khoán biến động, chịu tác động tình hình địa chính trị thế giới diễn biến khó lường.

Revenue and profit in the audited financial statements for 2025 decreased compared with 2024 due to fluctuations in the stock market and the impact of unpredictable global geopolitical developments.

Trên đây là các ý kiến giải trình của Công ty về biến động lợi nhuận của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 so với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX), Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HISX).

Above are the Company's explanations about profit fluctuations in the Audited Financial Statements of 2025 compared to the Audited Financial Statements of 2024 sent to The State Securities Commission, Vietnam Stock Exchange (VNX), Hochiminh City Stock Exchange (HISX).



Trân trọng!
Best regards!

Nơi nhận:

Receipts:

- Như kính gửi;
As above
- Lưu VP HĐQT
Archived the board office

CÔNG TY CPCK T-CAP
T-CAP SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY



NGUYEN THI HANG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN T-CAP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN T-CAP

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc (Sau đây gọi tắt là “Ban quản trị”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo và đã được Ban quản trị phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Đức Thanh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 07/06/2025
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 22/10/2025
		Xin từ nhiệm ngày 11/03/2026
Ông Trần Vũ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 07/06/2025
		Miễn nhiệm ngày 22/10/2025
Ông Phạm Văn Khiêm	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ngô Long Giang	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2025
		Miễn nhiệm ngày 04/03/2026
Ông Chu Tuấn An	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2025
Ông Nguyễn Anh Đức	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Hằng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban quản trị Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Quản trị,



Nguyễn Thị Hằng

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Số: 391/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26/03/2026, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Quản trị

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Quản lý cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1395-2023-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.127.468.746.340	1.166.824.925.639
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		950.077.411.284	1.125.699.848.887
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	25.059.803.654	581.582.428.680
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>25.059.803.654</i>	<i>531.582.428.680</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>-</i>	<i>50.000.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	542.882.884.500	256.191.140.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	20.000.000.000
Các khoản cho vay	114	8	4.615.187.750	5.180.423.916
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	253.096.830.000	123.482.300.000
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(4.615.187.750)	(4.615.187.750)
Các khoản phải thu	117	10	2.398.039.124	2.057.874.165
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>10</i>	<i>1.787.500.000</i>	<i>-</i>
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>	<i>10</i>	<i>610.539.124</i>	<i>2.057.874.165</i>
Trả trước cho người bán	118	10	624.443.061	323.656.630
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	448.769.696	437.147.037
Các khoản phải thu khác	122	10	467.824.226.880	483.317.651.840
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	12	(342.257.585.631)	(342.257.585.631)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		177.391.335.056	41.125.076.752
Tạm ứng	131	10	59.522.869.087	36.365.455.850
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	745.470.825	1.824.422.319
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	115.127.274.741	107.274.741
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	17	1.995.720.403	2.827.923.842
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.118.201.604	15.348.569.051
Tài sản cố định	220		1.504.403.110	221.055.851
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.471.096.662	151.801.016
- Nguyên giá	222		7.642.743.876	5.898.063.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.171.647.214)	(5.746.262.860)
Tài sản cố định vô hình	227	14	33.306.448	69.254.835
- Nguyên giá	228		8.983.800.575	8.983.800.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8.950.494.127)	(8.914.545.740)
Tài sản dài hạn khác	250		15.613.798.494	15.127.513.200
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	11	333.895.235	324.816.059
Chi phí trả trước dài hạn	252	9	741.997.774	181.003.216
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	14.537.905.485	14.621.693.925
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.144.586.947.944	1.182.173.494.690

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		30.401.873.547	33.481.177.576
Nợ phải trả ngắn hạn	310		30.401.873.547	32.577.549.879
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	164.251.718	108.338.985
Phải trả người bán ngắn hạn	320		43.110.600	18.605.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		421.500.000	436.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	586.148.047	27.273
Phải trả người lao động	323		358.599.052	546.556.213
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		631.649.687	637.875.687
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	11.099.101.443	11.486.438.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	19	17.097.513.000	756.813.000
Nợ phải trả dài hạn	340		-	903.627.697
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	20	-	903.627.697
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.114.185.074.397	1.148.692.317.114
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.114.185.074.397	1.148.692.317.114
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.107.908.158.929	1.137.663.158.929
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.120.970.190.000	1.120.970.190.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.120.970.190.000	1.120.970.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		16.692.968.929	16.692.968.929
Cổ phiếu quỹ	411.5		(29.755.000.000)	-
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		(28.058.340.235)	(2.431.155.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		6.542.460.209	6.542.460.209
Lợi nhuận chưa phân phối	417		27.792.795.494	6.917.852.976
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		29.758.883.287	3.303.342.187
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(1.966.087.793)	3.614.510.789
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		1.144.586.947.944	1.182.173.494.690

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Văn Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Đức



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Hằng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006	CP	109.121.519	112.097.019
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK	008	22	323.130.600.000	124.820.100.000
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		8.119.000.000	3.050.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	23	643.073.250.000	918.074.800.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		574.254.070.000	827.031.160.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	6.650.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		68.790.180.000	83.938.520.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		29.000.000	455.120.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	48.952.020.000	1.238.890.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		48.952.020.000	1.238.890.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	25	1.213.000.000	16.032.080.000
Tiền gửi của khách hàng	026	26	46.526.896.711	68.840.753.955
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		46.526.896.711	68.840.753.955
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27	46.526.896.711	68.840.753.955
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		46.484.750.856	68.798.608.100
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		42.145.855	42.145.855

Người lập biểu



Hoàng Văn Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Đức



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		82.015.988.012	178.513.166.281
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	28	80.046.185.201	225.660.615.078
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.2	29	(2.069.266.145)	(63.267.283.475)
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	30	4.039.068.956	16.119.834.678
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	30	7.187.753.431	2.463.863.013
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	30	178.241.761	661.921.842
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	31	1.157.379.130	2.056.270.838
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	31	298.980.576	336.361.241
Thu nhập hoạt động khác	11	31	33.275.309	37.351.507
Cộng doanh thu hoạt động	20		90.871.618.219	184.068.934.721
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		37.351.589.371	26.364.896.010
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	21.1	28	32.936.629.237	30.861.811.010
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	29	4.414.960.134	(4.496.915.000)
Chi phí hoạt động tự doanh	26	32	8.865.176.939	17.705.854.790
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	32	3.968.878.475	7.193.474.708
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	32	375.409.064	395.595.808
Chi phí các dịch vụ khác	32	32	51.254.714	72.102.775
Cộng chi phí hoạt động	40		50.612.308.563	51.731.924.091
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	33	1.230.962.934	2.430.357.597
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.230.962.934	2.430.357.597
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	34	21.450.529.874	20.220.518.616
Kết quả hoạt động	70		20.039.742.716	114.546.849.611

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		4.748.677	706.546
Chi phí khác	72		73.176.572	153.000.000
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(68.427.895)	(152.293.454)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		19.971.314.821	114.394.556.157
Lợi nhuận đã thực hiện	91		26.455.541.100	173.164.924.632
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(6.484.226.279)	(58.770.368.475)
Chi phí thuế TNDN	100		(903.627.697)	(11.752.620.895)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	1.452.800
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	35	(903.627.697)	(11.754.073.695)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200		20.874.942.518	126.147.177.052
Thu nhập (lỗ) toán diện khác sau thuế TNDN	300			
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		(28.058.340.235)	(2.431.155.000)
Tổng thu nhập toàn diện	400		(28.058.340.235)	(2.431.155.000)
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	501	36	191	1.125

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Văn Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Đức



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		19.971.314.821	114.394.556.157
Điều chỉnh cho các khoản:	02		(1.380.169.317)	(4.130.749.612)
- Khấu hao TSCĐ	03		461.332.741	357.482.150
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(1.230.962.934)	(2.430.357.597)
- Dự thu tiền lãi	08		(610.539.124)	(2.057.874.165)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(4.414.960.134)	4.496.915.000
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(4.414.960.134)	4.496.915.000
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		2.069.266.145	63.267.283.475
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		2.069.266.145	63.267.283.475
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		16.245.451.515	178.028.005.020
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(284.346.050.511)	192.159.267.997
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		20.000.000.000	(20.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		565.236.166	11.033.750.919
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(155.241.715.235)	14.622.159.507
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(1.787.500.000)	26.029.363.033
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		270.374.165	1.176.469.131
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(11.622.659)	(80.886.193)
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(97.965.152.207)	(2.061.446.072)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(23.157.413.237)	(37.188.218.787)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(387.337.278)	9.948.379.880
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		517.956.936	1.166.855.498
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(1.200.000.000)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(18.520.976.667)	18.663.271.530
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(6.226.000)	(57.639.000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		1.418.324.213	(187.579.699)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(187.957.161)	(5.446.434.914)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(13.414.300.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	(101.404.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(556.008.907.960)	386.503.913.207

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.744.680.000)	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		1.230.962.934	2.430.357.597
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(513.717.066)</i>	<i>2.430.357.597</i>
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(556.522.625.026)	388.934.270.804
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	5	581.582.428.680	192.648.157.876
- Tiền	101.1		531.582.428.680	77.648.157.876
- Các khoản tương đương tiền	101.2		50.000.000.000	115.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	5	25.059.803.654	581.582.428.680
- Tiền	103.1		25.059.803.654	531.582.428.680
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	50.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		395.372.921.240	674.678.209.390
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(597.109.893.900)	(740.475.363.670)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		752.022.902.987	1.321.225.273.516
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(579.009.340.824)	(1.211.615.500.408)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(286.829.978)	(238.697.177)
Tiền thu của Tổ chức phát hành	14		5.667.518.230	5.633.510.944
Tiền chi trả Tổ chức phát hành	15		1.028.865.000	(10.392.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		(22.313.857.245)	49.197.040.595
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	25	68.840.753.955	19.643.713.360
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		68.840.753.955	19.643.713.360
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		68.840.753.955	19.643.713.360
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	25	46.526.896.710	68.840.753.955
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		46.526.896.710	68.840.753.955
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		46.526.896.710	68.840.753.955

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Hoàng Văn Quân

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
	Tại 01/01/2025		Năm 2024		Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.137.663.158.929	1.137.663.158.929	-	-	-	-	1.137.663.158.929	1.137.663.158.929
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.120.970.190.000	1.120.970.190.000	-	-	-	-	1.120.970.190.000	1.120.970.190.000
- Thặng dư vốn cổ phần	16.692.968.929	16.692.968.929	-	-	-	-	16.692.968.929	16.692.968.929
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(29.755.000.000)	-	(29.755.000.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.542.460.209	6.542.460.209	-	-	-	-	6.542.460.209	6.542.460.209
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	(40.524.521.307)	(2.431.155.000)	61.108.026.641	23.014.660.334	25.950.675.000	51.577.860.235	(2.431.155.000)	(28.058.340.235)
Lợi nhuận chưa phân phối	(119.229.324.076)	6.917.852.976	335.201.947.953	209.054.770.901	138.038.691.982	117.163.749.464	6.917.852.976	27.792.795.494
- Lợi nhuận đã thực hiện	(169.860.129.645)	3.303.342.187	195.753.143.914	22.589.672.082	42.361.665.908	15.906.124.808	3.303.342.187	29.758.883.287
- Lợi nhuận chưa thực hiện	50.630.805.569	3.614.510.789	139.448.804.039	186.465.098.819	95.677.026.074	101.257.624.656	3.614.510.789	(1.966.087.793)
Cộng	984.451.773.755	1.148.692.317.114	396.309.974.594	232.069.431.235	163.989.366.982	138.986.609.699	1.148.692.317.114	1.114.185.074.397

Người lập biểu



Hoàng Văn Quân

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Đức

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán T-Cap (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (từ ngày 22/09/2025) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 46/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 60/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là TVB.

Cổ phiếu được đưa ra khỏi diện cảnh báo từ ngày 16/04/2025 theo quyết định số 229/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo Thông báo ngày 02/10/2025 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 29 người (tại ngày 01/01/2025 là 26 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Quy mô vốn

Tại ngày 31/12/2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.120.970.190.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm hai mươi tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.

2.3 Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố về tuân thủ Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong Báo cáo tài chính năm 2024.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.2 Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp)

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính

a. Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL), chỉ được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)

b. Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản thì chính phủ nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kê cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản tài chính (tiếp)****Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

4.4 Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

Danh mục tài sản cố định	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Tài sản cố định khác	03 - 05
Phần mềm máy tính	02 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSDC), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và danh sách cổ đông nhận cổ tức tại ngày chốt quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 Doanh thu, thu nhập

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

4.11 Thu nhập hoạt động khác

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

4.12 Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.13 Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ tài chính khác;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

4.14 Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.14 Các khoản thuế (tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4.17 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	459.770.457	319.770.457
Tiền gửi ngân hàng	22.747.312.227	531.252.301.091
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.852.720.970	10.357.132
Tương đương tiền	-	50.000.000.000
Cộng	25.059.803.654	581.582.428.680

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Năm 2025	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty chứng khoán	94.570.481	2.897.633.777.950
- Cổ phiếu	94.426.100	2.883.195.677.950
- Trái phiếu	144.381	14.438.100.000
Của nhà đầu tư	90.804.210	975.376.418.940
- Cổ phiếu	90.804.210	975.376.418.940
Cộng	185.374.691	3.873.010.196.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	544.848.972.293	542.882.884.500	238.672.599.314	241.753.040.000
- CTG	170.802.267.400	177.009.904.500	-	-
- HPG	162.756.569.759	165.792.000.000	119.740.759.641	119.898.350.000
- MSN	59.699.060.000	62.192.900.000	-	-
- MBB	54.495.000.000	50.600.000.000	-	-
- DGW	-	-	65.244.250.000	57.566.400.000
- Khác	97.096.075.134	87.288.080.000	53.687.589.673	64.288.290.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	13.000.402.200	14.438.100.000
- BID	-	-	13.000.402.200	14.438.100.000
Cộng	544.848.972.293	542.882.884.500	251.673.001.514	256.191.140.000

Giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	281.152.095.235	253.096.830.000	125.910.380.000	123.482.300.000
- SHB	107.687.810.000	100.524.705.000	-	-
- VIB	76.791.000.000	68.018.000.000	-	-
- Khác	96.673.285.235	84.554.125.000	125.910.380.000	123.482.300.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	3.075.000	-	3.075.000	-
Cộng	281.155.170.235	253.096.830.000	125.913.455.000	123.482.300.000

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường của tài sản tài chính

Chi tiêu	Tại 31/12/2025				Tại 01/01/2025					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	544.848.972.293	542.882.884.500	11.752.657.341	(13.718.745.134)	542.882.884.500	251.673.001.514	256.191.140.000	13.821.923.486	(9.303.785.000)	256.191.140.000
+ Cổ phiếu	544.848.972.293	542.882.884.500	11.752.657.341	(13.718.745.134)	542.882.884.500	238.672.599.314	241.753.040.000	12.384.225.686	(9.303.785.000)	241.753.040.000
+ Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	13.000.402.200	14.438.100.000	1.437.697.800	-	14.438.100.000
Tài sản AFS	281.155.170.235	253.096.830.000	787.938.000	(28.846.278.235)	-	125.913.455.000	123.482.300.000	-	(2.431.155.000)	123.482.300.000
+ Cổ phiếu niêm yết	281.152.095.235	253.096.830.000	787.938.000	(28.843.203.235)	-	125.910.380.000	123.482.300.000	-	(2.428.080.000)	123.482.300.000
+ Cổ phiếu luy năm	3.075.000	-	-	(3.075.000)	-	3.075.000	-	-	(3.075.000)	-
Cộng	826.004.142.528	795.979.714.500	12.540.595.341	(42.565.023.369)	542.882.884.500	377.586.456.514	379.673.440.000	13.821.923.486	(11.734.940.000)	379.673.440.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chi tiêu	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	4.615.187.750	-	4.615.187.750	-
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	-	-	565.236.166	565.236.166
Cộng	4.615.187.750	-	5.180.423.916	565.236.166

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 31/12/2025 là 4.615.187.750 VND (tại ngày 01/01/2025 là 4.615.187.750 VND). Đây là phần giảm giá của cổ phiếu FTM. Công ty đã thực hiện trích lập chi phí 100% giá trị đối với phần giảm giá này. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện cho vay Công ty đã thu được số tiền lãi là 2.692.793.768 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	745.470.825	1.824.422.319
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.751.874	30.540.915
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	698.718.951	1.793.881.404
Chi phí trả trước dài hạn	741.997.774	181.003.216
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	56.256.917
Chi phí trả trước dài hạn khác	741.997.774	124.746.299
Cộng	1.487.468.599	2.005.425.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tạm ứng (*)	59.522.869.087	36.365.455.850
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi	610.539.124	2.057.874.165
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	610.539.124	2.057.874.165
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(610.532.001)</i>	<i>(610.532.001)</i>
Phải thu bán các tài sản tài chính (cổ phiếu)	1.787.500.000	-
Trả trước cho người bán	624.443.061	323.656.630
Trả trước cho người bán khác	624.443.061	323.656.630
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(199.176.750)</i>	<i>(199.176.750)</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	448.769.696	437.147.037
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(63.000.000)</i>	<i>(63.000.000)</i>
Phải thu khác	467.824.226.880	483.317.651.840
Phải thu từ hợp đồng mua bán chứng khoán	465.376.876.880	465.376.876.880
<i>Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Mạnh Cường</i>	<i>131.960.000.000</i>	<i>131.960.000.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần phát triển đầu tư Việt Bắc</i>	<i>156.320.000.000</i>	<i>156.320.000.000</i>
<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư Vĩnh Thành</i>	<i>172.195.000.000</i>	<i>172.195.000.000</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Phương Vân</i>	<i>700.442.612</i>	<i>700.442.612</i>
<i>Ông Phạm Thành Thái Lĩnh</i>	<i>4.201.434.268</i>	<i>4.201.434.268</i>
Ứng trước tiền mua lại cổ phiếu ESOP	-	15.490.000.000
Các khoản khác	2.447.350.000	2.450.774.960
<i>Trong đó, dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(341.384.876.880)</i>	<i>(341.384.876.880)</i>
Cộng	530.818.347.848	522.501.785.522

(*) Khoản tạm ứng phục vụ hoạt động của Công ty, tới thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã thu hồi được 41.045.000.000 đồng

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	115.127.274.741	107.274.741
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp (*)	115.000.000.000	-
Các khoản ký cược khác	127.274.741	107.274.741
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	333.895.235	324.816.059
Các khoản ký cược khác	333.895.235	324.816.059
Cộng	115.461.169.976	432.090.800

(*): Khoản đặt cọc theo thỏa thuận số 2808/2025/TTĐC-BDS ngày 28/08/2025 về việc đặt cọc mua chung bất động sản làm trụ sở chính giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp. Giá trị khoản đặt cọc là 115 tỷ đồng, thời hạn thỏa thuận trong vòng 1 năm và sẽ tự động chấm dứt trước thời hạn nếu hai bên ký kết hợp đồng mua bán chính thức với bên chuyển nhượng hoặc chấm dứt giao dịch theo thỏa thuận.

12. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi VND	Năm 2025		
		Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại 31/12/2025
				Tại 01/01/2025
1. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán	199.176.750	-	-	199.176.750
Công ty CP Giải pháp phần mềm Legatek	45.000.000	-	-	45.000.000
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	154.176.750	-	-	154.176.750
2. Dự phòng các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	63.000.000	-	-	63.000.000
Công ty CP Cầu Xây	63.000.000	-	-	63.000.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	465.376.876.880	-	-	341.384.876.880
Phạm Thành Thái Lĩnh	4.201.434.268	-	-	4.201.434.268
Nguyễn Thị Phương Vân	700.442.612	-	-	700.442.612
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Vĩnh Thành (*)	172.195.000.000	-	-	126.637.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Việt Bắc (*)	156.320.000.000	-	-	113.624.000.000
Công ty Cổ Phần Xây dựng Đầu tư Mạnh Cường (*)	131.960.000.000	-	-	96.222.000.000
4. Dự phòng các khoản phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ	610.532.001	-	-	610.532.001
Ông Lâm Văn Đình	291.766.312	-	-	291.766.312
Ông Phạm Đình Giá	104.591.440	-	-	104.591.440
Ông Lê Quốc Quân	214.174.249	-	-	214.174.249
Cộng	465.639.053.630	-	-	342.257.585.631

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN T-CAP

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

(*): Các khoản phải thu theo Hợp đồng được ký kết giữa Công ty và các đối tác, mục đích chuyển tiền tìm kiếm cơ hội đầu tư có khả năng mang lại lợi tức cao thông qua việc tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu bán các loại chứng khoán, thời hạn thực hiện hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản phải thu này đều đã quá hạn thanh toán theo điều khoản hợp đồng. Việc đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác này do các cá nhân trong Ban lãnh đạo cũ của Công ty trực tiếp thực hiện. Ban lãnh đạo hiện tại của Công ty đã đánh giá thận trọng khả năng thu hồi các khoản phải thu này dựa trên các thông tin hiện có và quyết định trích lập dự phòng với giá trị là 336.483.000.000 đồng. Số chưa trích lập dự phòng được đảm bảo bằng tài sản là các cổ phiếu đang niêm yết thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Tùng Tri Việt.

13. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại 01/01/2025	2.976.350.001	2.335.892.727	94.347.000	491.474.148	5.898.063.876
Tăng trong năm	-	1.744.680.000	-	-	1.744.680.000
Tại 31/12/2025	2.976.350.001	4.080.572.727	94.347.000	491.474.148	7.642.743.876
HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2025	(2.976.350.001)	(2.214.647.278)	(69.467.433)	(485.798.148)	(5.746.262.860)
Khấu hao trong năm	-	(394.828.787)	(24.879.567)	(5.676.000)	(425.384.354)
Tại 31/12/2025	(2.976.350.001)	(2.609.476.065)	(94.347.000)	(491.474.148)	(6.171.647.214)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	-	121.245.449	24.879.567	5.676.000	151.801.016
Tại 31/12/2025	-	1.471.096.662	-	-	1.471.096.662

Tại ngày 31/12/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.586.617.785 VND (tại ngày 01/01/2025 là 4.540.398.285 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2025	8.983.800.575	8.983.800.575
Tại 31/12/2025	<u>8.983.800.575</u>	<u>8.983.800.575</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2025	(8.914.545.740)	(8.914.545.740)
Khấu hao trong năm	(35.948.387)	(35.948.387)
Tại 31/12/2025	<u>(8.950.494.127)</u>	<u>(8.950.494.127)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	<u>69.254.835</u>	<u>69.254.835</u>
Tại 31/12/2025	<u>33.306.448</u>	<u>33.306.448</u>

Tại ngày 31/12/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 8.808.800.576 VND (tại ngày 01/01/2025 là 8.586.200.576 VND).

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.028.302.210	11.028.302.210
Tiền lãi phân bổ hàng năm	3.389.603.275	3.473.391.715
Cộng	<u>14.537.905.485</u>	<u>14.621.693.925</u>

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	129.566.043	77.982.128
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	34.685.675	30.356.857
Cộng	<u>164.251.718</u>	<u>108.338.985</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	27.273	327.533	309.351	45.455
- Thuế thu nhập cá nhân	-	586.102.592	-	586.102.592
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	27.273	589.430.125	3.309.351	586.148.047
	Tại 01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.995.720.403	-	-	1.995.720.403
- Thuế thu nhập cá nhân	832.203.439	4.964.356.595	4.132.153.156	-
Cộng	2.827.923.842	4.964.356.595	4.132.153.156	1.995.720.403

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả hoạt động tự doanh	10.876.577.009	10.876.577.009
Các khoản khác	222.524.434	609.861.712
Cộng	11.099.101.443	11.486.438.721

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả mua lại cổ phiếu ESOP	14.265.000.000	-
Phải trả mua quyền mua SSI	2.075.700.000	-
Cổ tức bằng tiền của cổ đông chưa lưu ký	756.813.000	756.813.000
Cộng	17.097.513.000	756.813.000

20. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	903.627.697
Cộng	-	903.627.697

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN T-CAP

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND						
01/01/2024	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(40.524.521.307)	-	6.542.460.209	(119.229.324.076)	984.451.773.755	
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	126.147.177.052	126.147.177.052	
- Tặng, giảm khác	-	-	38.093.366.307	-	-	-	38.093.366.307	
31/12/2024	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(2.431.155.000)	-	6.542.460.209	6.917.852.976	1.148.692.317.114	
01/01/2025	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(2.431.155.000)	-	6.542.460.209	6.917.852.976	1.148.692.317.114	
- Lỗ trong năm	-	-	(25.627.185.235)	-	-	20.874.942.518	(4.752.242.717)	
- Mua lại cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	(29.755.000.000)	-	-	(29.755.000.000)	
Tại 31/12/2025	1.120.970.190.000	16.692.968.929	(28.058.340.235)	(29.755.000.000)	6.542.460.209	27.792.795.494	1.114.185.074.397	

(*): Thực hiện mua lại 2.975.500 cổ phiếu để giảm vốn điều lệ theo tờ trình số 13/2025/TTr-HĐQT/TVB ngày 07/06/2025 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 07/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản T-Corp	778.223.560.000	69,47%	717.853.560.000	64,04%
Các cổ đông khác	403.116.630.000	30,53%	403.116.630.000	35,96%
Cộng	1.120.970.190.000	100,00%	1.120.970.190.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại 31/12/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.097.019	112.097.019
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.097.019	112.097.019
+ Cổ phiếu phổ thông	112.097.019	112.097.019
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.975.500	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.121.519	112.097.019
+ Cổ phiếu phổ thông	109.121.519	112.097.019
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA CTCK

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	323.130.600.000	124.820.100.000
Cộng	323.130.600.000	124.820.100.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	574.254.070.000	827.031.160.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển	-	6.650.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	68.790.180.000	83.938.520.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	29.000.000	455.120.000
Cộng	643.073.250.000	918.074.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSDC VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	48.952.020.000	1.238.890.000
Cộng	48.952.020.000	1.238.890.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VÈ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	1.213.000.000	16.032.080.000
Cộng	1.213.000.000	16.032.080.000

26. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.526.896.711	68.840.753.955
Cộng	46.526.896.711	68.840.753.955

27. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.526.896.711	68.840.753.955
Nhà đầu tư trong nước	46.484.750.856	68.796.501.572
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	42.145.855	42.145.855
Cộng	46.526.896.711	68.840.753.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm	
				2025	2024
	CK	VND	VND	VND	VND
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	29.845.100	1.031.168.308.950	952.678.409.902	78.608.487.401	225.660.615.078
Trái phiếu niêm yết	144.381	14.438.100.000	13.000.402.200	1.437.697.800	-
Cộng	29.845.100	1.031.168.308.950	952.678.409.902	80.046.185.201	225.660.615.078
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	7.120.900	204.194.265.000	237.012.305.884	(32.936.629.237)	(29.409.811.010)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	(1.452.000.000)
Cộng	7.120.900	204.194.265.000	237.012.305.884	(32.936.629.237)	(30.861.811.010)
Lãi/lỗ từ bán TSTC	36.966.000	1.235.362.573.950	1.189.690.715.786	47.109.555.964	194.798.804.068

29. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng

Danh mục các loại tài sản tài chính	Năm 2025		Năm 2024		Giá trị ghi nhận trên BC KQHĐ	
	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong năm	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong năm	Tăng/Giảm lệch tăng đánh giá lại	Tăng/Giảm chênh lệch giá lại
Tài sản FVTPL	11.752.657.341	(13.718.745.134)	13.821.923.486	(9.303.785.000)	(2.069.266.145)	4.414.960.134
Cổ phiếu niêm yết	11.752.657.341	(13.718.745.134)	12.384.225.686	(9.303.785.000)	(631.568.345)	4.414.960.134
Trái phiếu niêm yết	-	-	1.437.697.800	-	(1.437.697.800)	-
Cộng	12.540.595.341	(13.718.745.134)	13.821.923.486	(9.303.785.000)	(2.069.266.145)	4.414.960.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CỎ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cỏ tức bằng tiền)	4.039.068.956	16.119.834.678
Từ tài sản tài chính HTM (lãi tiền gửi có kỳ hạn)	7.187.753.431	2.463.863.013
Từ các khoản cho vay và phải thu	178.241.761	661.921.842
Cộng	11.405.064.148	19.245.619.533

31. DOANH THU MÔI GIỚI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.157.379.130	2.056.270.838
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	298.980.576	336.361.241
Thu nhập hoạt động khác	33.275.309	37.351.507
Cộng	1.489.635.015	2.429.983.585

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	8.865.176.939	17.705.854.790
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.968.878.475	7.193.474.708
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	375.409.064	395.595.808
Chi phí dịch vụ khác	51.254.714	72.102.775
Cộng	13.260.719.192	25.367.028.081

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu, dự thu cỏ tức, lãi tiền gửi	1.230.962.934	2.430.357.597
Cộng	1.230.962.934	2.430.357.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.838.363.471	9.595.798.350
Chi phí vật tư văn phòng	80.895.195	129.659.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	461.332.741	357.482.149
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.101.320.549	7.148.113.076
Chi phí bằng tiền khác	965.617.918	2.986.465.814
Cộng	21.450.529.874	20.220.518.616

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(903.627.697)	(11.754.073.695)
Cộng	(903.627.697)	(11.754.073.695)

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.874.942.518	126.147.177.052
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	109.121.519	112.097.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	191	1.125

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên Liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Bên liên quan của thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp		
Phí lưu ký	13.545.579	9.384.712
Mua chung bất động sản	115.000.000.000	-
Phí mua, bán chứng khoán, phí chuyển khoản	71.247.442	626.974.652
Lãi tiền gửi nhà đầu tư	4.699.282	16.579.753
Đại lý thực hiện mua lại cổ phiếu	30.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt		
Phí lưu ký	1.140	469
Lãi tiền gửi nhà đầu tư	25.627	12.705
Số dư với bên liên quan		
	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	2.763.080.416	9.122.682.978
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp	2.763.080.416	9.122.682.978
Đặt cọc đầu tư bất động sản	115.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản T-Corp	115.000.000.000	-

Cho bên liên quan sử dụng tài sản làm tài sản đảm bảo

Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt đã dùng tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết thuộc quyền sở hữu của công ty để làm tài sản đảm bảo cho khoản phải thu về hợp tác đầu tư (Xem tại Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1	Bà Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.466.185.185	632.854.000
2	Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 18/04/2023, miễn nhiệm ngày 29/03/2024)	-	591.846.000
3	Ông Nguyễn Đức Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 07/06/2025)	25.000.000	5.000.000
4	Ông Trần Vũ Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (Bỏ nhiệm ngày 07/06/2025)	309.500.000	-
5	Ông Phạm Văn Khiêm	Thành viên Hội đồng quản trị	98.333.328	61.111.110
6	Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 03/06/2024)	-	172.757.111
7	Ông Ngô Long Giang	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 16/01/2025, miễn nhiệm ngày 04/03/2026)	1.407.750.126	-
8	Ông Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/01/2025)	-	141.304.000
9	Bà Phùng Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)	-	180.600.000
10	Ông Nguyễn Anh Đức	Kế toán trưởng	423.067.027	-

38. THÔNG TIN KHÁC

THAY ĐỔI CƠ CẤU TỔ CHỨC, MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 07/06/2025 của Công ty đã thông qua việc Thay đổi cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của Công ty theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Hoàng Văn Quân

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Đức



Nguyễn Thị Hằng